

3. TÂM VÀ NHỮNG CẤP BẬC CHÚNG SINH

Khi chúng ta nhìn lâu vào khung cảnh của tự nhiên sinh động, không lâu sẽ đập vào sự chú ý của chúng ta là sự đa-dạng bao la những trật tự cấp bậc chúng sinh được phô bày trong thế gian. Chúng ta thấy tầng lớp của tự nhiên với đủ loại chúng sinh và sự đáng kinh ngạc về sự phân biệt hóa về cấp loài và về số lượng của chúng. Trước mắt chúng ta là vô số chủng loài những sinh vật khác nhau—những loài côn trùng và bò sát, những loài cá tôm và chim muông, những loài thú vật được nuôi và hoang dã—đã biến trái đất cùng với những biển cả và bầu trời của nó thành một chỗ cư trú phức tạp, rộn ràng với xung động của sự sống hữu tình. Những cõi chúng sinh xa khuất chúng ta không nhìn thấy—được xác nhận bởi vũ trụ học tâm linh, bởi văn hóa dân gian và những lời kể của những bậc nhìn-thấy (bậc tiên kiến)—cũng không phải ít đông đúc hay ít đa dạng về thành phần chúng sinh trong chúng. Theo những lời xác thực đó thì những vị thần, những vị trời (Brahma), những thiên thần và quỷ thần cư trú đông đúc ở những khu vực cư dân trên đó không thể nhìn thấy được bằng mắt thường của chúng ta; trong khi đó những chúng sinh khác như những vị tiên, quỷ thần và yêu tinh thì chen chúc đầy những ngõ ngách trong cùng những khu vực cư dân trên đó.

Lại nữa, bản thân thể giới loài người cũng không hề đồng chủng. Hệ phả giống loài của con người cũng phân thành đa dạng đủ loại chủng loại—người da đen, da trắng, da nâu, da vàng và da đỏ, rồi lại phân thành đủ thứ loại người khác nhau nữa tùy theo những vận mệnh và những căn cơ của họ, thành những người sống lâu và những người chết trẻ, những người khỏe mạnh và những người bệnh tật, những người thành công và những người thất bại, những người năng khiếu và những người thiếu năng. Có số người thông minh, có số người ngu đần; có số người cao cả, có số người thấp hèn; có số người tiến hóa về tâm linh, có số người nghèo kém hạ tẻ về tâm linh. Nhân loại phân bổ khắp nơi từ những người chậm trí đần độn thậm chí phải chật vật lắm mới lo nổi những nhu cầu sống của thân mình cho đến những bậc chân tu và bậc thánh có thể thấu hiểu những bí mật thâm sâu nhất của vũ trụ, và họ cũng lo giúp đỡ nâng đỡ nâng cao tầm nhìn của những đồng loại ít trí tuệ hơn, giúp đồng loại đạt đến những tầng cao siêu đáng ao ước của dòng tư duy tâm trí.

Đối với những nhà tư tưởng muốn đào sâu bên dưới sự bày bố trên bề mặt để khám phá những lý do tạo ra những hiện tượng phô bày, thì sẽ họ sẽ tự nhiên khởi

sinh câu hỏi rằng: tại sao đời sống lại phơi bày chính nó trong một tổng thể đa sắc đa dạng đa tính như vậy? Sự suy xét về câu hỏi này đã cho ra đời đủ loại trường phái tư duy thuộc tôn giáo và triết học, mỗi trường phái đưa ra những suy đoán của mình coi như chìa khóa để giải câu đố về mô hình đa hình đa dạng đa chiều của thiên nhiên. Trong lịch sử trí thức của nhân loại, có 02 lập trường thống trị xung quanh những trường phái này là chủ nghĩa duy-thần và chủ nghĩa duy-vật. Đối đầu với nhau bằng những nguyên lý trái ngược nhau, 02 chủ nghĩa này đã được truyền thừa trong những màu áo nguy trang khác nhau từ thời cổ đại cho đến tận cả ngày nay. Tư tưởng duy-thần đề cập sự đa dạng của đời sống hữu tình, bao gồm ‘những sự khác-biệt nhau’ về vận-mệnh được thấy trong thế giới con người theo ý muốn của Thượng Đế. Những người theo thuyết duy-thần này cho rằng chính Thượng Đế, bậc toàn trí, là tác giả toàn trí, đã sáng tạo ra muôn dạng những hình thái thiên nhiên khác nhau theo ý chí ý muốn của ngài, phân bố ban phát cho những chúng sinh những phần hạnh phúc và khổ đau, và phân chia họ thành những người cao quý và những người thấp hèn, những người may phúc và những người thống khổ.

Ngược lại hẳn, tư tưởng duy-vật thì loại bỏ khả năng có nguồn lực bên ngoài như đấng sáng tạo chịu trách nhiệm cho sự phân hóa phân chia ban bố khác nhau về những căn cơ và những năng lực được thấy có trong vô số chúng sinh khác nhau, và tư tưởng này đã cố gắng cung cấp cho nó một hệ thống lý giải chỉ vận hành bằng những nguyên lý thuộc tự nhiên, thuộc về trật tự vật chất. Những người theo thuyết duy-vật tuyên thuyết rằng toàn bộ phạm vi của những hình thái sống cùng với tất cả những dạng biểu hiện sự sống có thể được rút kết thành ‘những sự phiêu lưu của vật chất’ được chi phối bởi những quy luật vật lý, hóa học và sinh học. Đối với những người theo thuyết duy-vật này, ngay cả *tâm-thức* cũng chỉ đại diện cho một thượng tầng thứ cấp được xây dựng trên nền tảng vật chất chứ không có ý nghĩa gì lớn lao hơn trong bản thân nó.

Mục đích của chúng ta ở đây không phải để xem xét dài dòng về 02 tư tưởng đối nghịch này. Bấy nhiêu cũng đủ để chúng ta lưu ý rằng cả 02 học thuyết đều tạo nguy hiểm cho định đề về sự tiến hóa về tâm linh của chúng sinh: cả 02 đều ngầm ngầm hoặc công khai từ chối đưa ra điều-kiện cần thiết cho tiến trình tiến hóa về tâm linh—đó là tiến trình ý-chí tự chủ thuộc nội tâm, tiến trình đó tìm kiếm trong sự đa dạng của trật tự hữu tình một thực địa (môi trường, sân chơi) để thực hiện những tiềm năng và sự chuyển hóa về tâm linh, tiến trình đó được chi phối bởi khả năng hành-động theo ý mình lựa chọn (thay vì chấp nhận tất cả mọi sự đều do thượng đế theo thuyết duy-thần hay chấp nhận sự sống chỉ là vô tri vô tình theo

thuyết duy-vật) ...

Thuyết duy-thần ngăn cản điều-kiện tiến hóa tâm linh này bằng định đề căn bản của nó là có một đấng toàn năng chỉ huy toàn bộ thế giới tự nhiên từ trên trời. Nó loại trừ khả năng có có sự tự chủ của ý-chí cá nhân ...

Thuyết duy-vật cũng ngăn cản cái ý niệm về một sự tiến hóa tâm linh của chúng sinh, nhưng theo một cách đơn giản và trực chỉ, bằng cách công khai từ chối tiền giả định căn bản về ý-niệm đó ... Họ coi tâm-thức chỉ là một ‘phụ phẩm’ của tiến trình vật chất mà thôi; họ cho rằng dòng chảy sự sống cá thể không để lại ảnh hưởng gì tới dòng trải nghiệm liên tục nào, không có gì tồn tại vượt khỏi nắm mờ. Hành-động có ý thức và cả sự tiến hóa trong lĩnh vực sinh học tiến hành trong sự kiểm soát của cuộc chơi của những nguồn lực thuộc vũ trụ—chỉ là sự tiến hành mù quáng vô tình theo bản chất vận hành căn bản của chúng ...

Phật giáo cũng đưa ra sự lý giải về sự đa dạng của trật tự chúng sinh, là sự lý giải giải thích để thu hẹp khoảng cách giữa ý-chí và sự đa-dạng, và nhờ đó mở ra triển vọng cho sự phát triển dài hạn về tâm linh. Theo Phật giáo thì lời giải thích cho sự đa dạng của chúng sinh hữu tình—như về những loài, những căn cơ, và những vận mệnh của chúng sinh—đều nằm ở *nghiệp* của chúng sinh; nghiệp là *hành-động có ý* của họ. Theo lời của Phật, chúng sinh chính là “*những người thừa tự của những nghiệp của họ*”. Chúng sinh phát sinh từ kho nghiệp tích lũy của họ, họ được tạo đúc từ kho nghiệp, thừa lãnh những quả tương ứng với những nghiệp họ đã làm trong suốt những thời kiếp sống của mình. Xuyên suốt những thời kiếp liên tiếp, nghiệp nắm giữ sự chi phối suốt dòng chảy tiến hóa cá thể. Những hành-vi của ý-chí một khi đã được làm sẽ lặn vào trong dòng chảy tâm-thức, rồi từ đó chúng nổi lên và có mặt dưới dạng ‘những tiềm-năng thuộc tâm thần’, chúng lèo lái ‘tiến trình tiến hóa tương lai’ được đảm nhận bởi ‘dòng chảy trải nghiệm’ được gọi là ‘một cá thể chúng sinh’ (nói cách khác, mỗi chúng sinh là một ‘dòng trải nghiệm liên tục’ và nó bị lèo lái tác động thúc đẩy bởi ‘những tiềm-năng thuộc tâm thần’, những tiềm-năng này có từ những nghiệp đã được làm và được tích lũy trước đó). Giống như nghiệp khởi lên từ dòng tâm-thức, dòng tâm-thức lại chảy tới từ nghiệp mầm mống (chủng tử nghiệp), vì vậy nghiệp mầm mống có vai trò liên kết một dãy những kiếp sống riêng rời thành một chuỗi liên tục. Nghiệp lực dẫn lái tiến trình tâm-thức đi đến những dạng hiện-hữu mới đúng theo tính chất của nghiệp; nó quyết định dạng đời sống mà cá nhân sẽ biểu hiện, quyết định một ‘bộ’ những căn cơ mà một chúng sinh mới sẽ được phú cho, và phần sướng và phần khổ mà chúng sinh đó sẽ gặp phải trong tiến trình của đời sống.

Do vậy, chính sự khác-biệt về nghiệp [hành-động cố ý] vận động xuyên suốt những kiếp sống liên tiếp mới quyết định sự khác-biệt về trật tự và chủng loài của chúng sinh chứ không phải do thần linh thượng đế (như thuyết duy-thần) hay do ngẫu nhiên vô tình (như thuyết duy-vật), và sự khác-biệt về nghiệp lại phân chia những chúng sinh thành những dạng cao và thấp, sừng và khỏ, năng khiếu hay thiếu năng. Như Đức Phật đã tuyên thuyết: *“Những chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa lãnh những nghiệp của mình. Có nghiệp của họ là nguồn gốc từ đó họ sinh ra, là người thân tộc của họ và nơi nương tựa của họ. Nghiệp phân chia những chúng sinh thành những loại kém và loại ưu.”*

Vì yếu tố quyết định hiệu lực của vận mệnh là nghiệp, và nghiệp về bản chất là sự cố-ý (tư), điều này có nghĩa rằng yếu tố tác động ‘sự hình thành tương lai’ của một người là thuộc ý-chí cá nhân. Theo cách nhìn của Phật giáo, ý-chí không phải là sản phẩm của bộ máy thiên nhiên, không phải bị ép uốn theo ý đồ của những nguồn lực của vũ trụ; thay vì vậy, theo nghĩa sâu xa nhất thì ý-chí là nghệ nhân đứng sau toàn bộ tiến trình tiến hóa sinh động. Ở đây ý-chí là chính và những yếu tố vật chất là thứ cấp là chất dẻo để ý-chí làm việc và nhờ nó ý-chí thể hiện cho thấy sự biểu hiện hữu hình của kho tàng những căn-cơ (khuynh hướng, tính khí, tùy miên) của cá nhân. Đối với Phật giáo, bối cảnh đa dạng của sự hiện-hữu chúng sinh đại diện cho sự biểu hiện ra ngoài của những giao dịch bên trong của ý-chí và cấp hạng của những dạng chúng sinh ...

Tuy nhiên, đối với người hạnh nguyện về tâm linh, sẽ không đủ nếu chỉ hiểu biết nền tảng lý thuyết đối với sự khác-biệt hóa của chúng sinh. Đối với chúng ta điều quan trọng bậc nhất là chúng ta có thể làm gì để làm được sự tiến bộ xa hơn dọc theo những bậc thang tiến hóa về tâm linh—đó là có thể làm gì để tiến bộ tới những trình độ chứng đắc cao hơn trong suốt tiến trình sống trên trái đất của chúng ta, phải làm gì để bảo đảm có được sự tái-sinh dẫn tới sự tăng trưởng về tâm linh trong kiếp kế tiếp, và cuối cùng phải làm gì để vượt thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử tử sinh và chứng ngộ Niết-bàn, là sự giải-thoát tối thượng và bất thoái chuyển.

Câu trả lời cho bài toán này bắt đầu bằng thực tế rằng nghiệp tự phân chia nó, theo phẩm chất về đạo đức của nó, thành 02 loại—nghiệp bất thiện (*akusala*) và nghiệp thiện (*kusala*). Nghiệp bất thiện là hành-động—bằng thân, bằng lời-nói hay bằng tâm—phát lên từ 03 gốc rễ bất thiện của hành-động: *tham* (*lobha*), *sân* (*dosa*) và *si* (*moha*). Mọi hành-động nào khởi phát từ 03 gốc rễ này đều là có hại về mặt tâm linh và khuyết tệ về mặt đạo đức. Chúng tiêu diệt những căn cao quý hơn, đưa

đến hệ lụy hệ quả là sự khổ đau, và gây ra sự rớt xuống những trạng thái hiện-hữu thấp xấu đày đọa; nói ngắn gọn, chúng đưa đến sự sa sút liên tục trong bậc tiến hóa về tâm linh và sự chìm lún sâu hơn trong biển lầy của sự hiện-hữu hữu vi. Ngược lại, nghiệp thiện là hành-động phát sinh từ 03 gốc rễ thiện—*vô tham (alobha)*, *vô sân (adosa)* và *vô si (amoha)*, biểu hiện tích cực thành những phẩm chất tương ứng là *bố-thí*, *từ-ái*, và *trí-tuệ*. Nghiệp thiện vận hành theo cách hoàn toàn ngược lại với nghiệp bất thiện. Nó mang lại lợi lạc về mặt tâm linh và đáng khen ngợi về mặt đạo đức, kích hoạt khai mở các căn cao quý hơn, và đưa đến sự hạnh phúc cho thời hiện tại và thời tương lai. Nếu được tu tập thuần hành, nó sẽ phát huy sự tiến bộ dọc theo bậc thang tiến hóa tâm linh, dẫn tới những trạng thái hiện-hữu cao quý hơn trong những kiếp sống tiếp nối, và cuối cùng dẫn tới sự chứng ngộ sự giải-thoát.

Nếu phân tích rôt ráo, cuộc sống là sự tự tái tạo chuỗi liên tục những thời trải nghiệm, gồm có những thời của nghiệp và những thời của sự lãnh nghiệp. Hành-động (nghiệp) là sự cố-ý (tư), và sự cố-ý hiển nhiên dính líu với sự quyết định hay chọn lựa ... Mỗi thời khắc của hành-động có ý nghĩa (tốt hay xấu) về đạo đức đều gọi chúng ta phải quyết định, phải chọn lựa. Và sự chọn lựa hành-động của chúng ta sẽ rơi vào một trong 02 loại tùy theo bản chất về đạo đức của nó—thành nghiệp thiện hay nghiệp bất thiện. Nghiệp thiện dẫn đến sự tiến bộ, nghiệp bất thiện dẫn tới sự sa sút.

Như vậy sự tiến bộ hay sự sa sút là hoàn toàn tùy thuộc sự lựa chọn của chúng ta, và không phụ thuộc vào tác nhân bên ngoài, cho dù đó là thế lực thần linh hay vật chất. Thông qua vô số đủ loại những quyết định chóng vánh thoáng qua nhất thời này nọ ... được tích lũy qua thời gian dài lâu, chúng ta đã kiến thiết tạo mẫu ‘vận mệnh’ của chúng ta cho thời kiếp hiện tại và tương lai ... Mỗi lần chúng ta quyết định một hành-động cũng giống như mỗi nấc thang của một chiếc thang vơi vợi vô số nấc, mỗi nghiệp thiện như mỗi nấc thang bước lên cao hơn, mỗi nghiệp bất thiện như mỗi nấc thang tụt xuống. Hoặc mỗi thời khắc hành-động có thể được ví như một ngã ba đường chúng ta đang đứng trước 02 ngã rẽ, một ngã đi tới thành phố đầy an lạc và một ngã đi tới vùng đầm lầy thống khổ và tuyệt vọng. 02 ngã rẽ nằm yên và im lặng, đợi chúng ta quyết định chọn lựa, và chỉ có sự chọn lựa của chúng ta mới quyết định chúng ta sẽ đi đến nơi hạnh phúc hay nơi thống khổ.

Nói tóm lại, chính nghiệp của chúng ta là thứ kết thành vận mệnh của chúng ta, bởi vì chính nghiệp đưa đến sự biểu-hiện của tất cả những nơi-đến (*gati*), tức những cõi hiện-hữu, và một cách rôt ráo nghiệp tạo hình toàn bộ cảnh quan của sự

hiện-hữu của chúng sinh, đúng theo những bản chất về đạo đức của những gốc rễ liên quan nói trên. Như Đức Phật đã nói, không phải bằng sự suy đoán mà bằng thâm nhập trực tiếp của mình về tất cả những con-đường dẫn đến những nơi-đến khác nhau:

(i) “Không phải [những cõi] những thiên thân và loài người—hay những nơi-đến tốt lành nào khác—được nhìn thấy là do nghiệp được sinh ra từ tham, sân, si; mà chỉ có địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ thống khổ—cũng như những nơi-đến xấu dữ—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ tham, sân, si. Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(ii) “Không phải địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ thống khổ—hay những nơi-đến xấu dữ nào khác—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si; mà, chỉ có [những cảnh giới] những thiên thân và loài người—cũng như những nơi-đến tốt lành khác—được nhìn thấy do nghiệp sinh ra từ sự vô-tham, vô-sân, và vô-si. Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.” *[trích kinh AN 6:39 các đoạn cuối phần (I) và (ii)]*

[“Nuôi Dưỡng Phần Gốc Rễ” trong quyển “Những Bài Viết Về Đạo Đức Học Phật Giáo”, Nxb Wheel Publications Số 259–260, ấn hành đầu tiên 1978.]

(Tạp chí Lá Bò-Đẻ số 71; ấn bản đầu 1976)